

Phụ lục I

MỘT SỐ CHỈ TIÊU CHỦ YẾU KINH TẾ - XÃ HỘI NĂM 2025

(Kèm theo Kế hoạch số 25/KH-UBND ngày 21 tháng 01 năm 2025 của UBND thành phố Huế)

STT	CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ	KẾ HOẠCH NĂM 2025	PHẦN ĐẦU NĂM 2025	CƠ QUAN CHỦ TRÌ THEO DÕI, ĐÁNH GIÁ	KỲ ĐÁNH GIÁ
I	VỀ KINH TẾ					
1	Tốc độ tăng trưởng tổng sản phẩm trên địa bàn theo Kế hoạch (GRDP)	%	8,5-9	>10	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Định kỳ tháng, quý, 6 tháng và năm
	Phần đầu Tốc độ tăng trưởng tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP)	%	10			
2	GRDP bình quân đầu người	USD	3.200-3500			
3	Cơ cấu kinh tế	%				
	Trong đó:					
	- Dịch vụ	%	48-49			
	- Công nghiệp - Xây dựng	%	32-33			
	- Nông nghiệp	%	9-10			
	- Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm	%	9			
4	Tốc độ tăng vốn thực hiện trên địa bàn	%	10-12%			Định kỳ tháng, quý, 6 tháng và năm
5	Thu ngân sách	tỷ đồng	12,360		Sở Tài chính	Định kỳ tháng, quý, 6 tháng và năm
6	Kim ngạch xuất khẩu	triệu USD	1,430		Sở Công thương	Định kỳ tháng, quý, 6 tháng và năm
II	VỀ XÃ HỘI					
1	Tỉ lệ lao động qua đào tạo	%	75		Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	Định kỳ tháng, quý, 6 tháng và năm
2	Số bác sỹ trên 1 vạn dân	Bác sỹ	15-16		Sở Y tế	Định kỳ 6 tháng, năm
	Số giường bệnh trên 1 vạn dân	Giường bệnh	61			
3	Tỷ lệ tham gia bảo hiểm y tế	%	99,34			
4	Tỷ lệ hộ nghèo (theo chuẩn nghèo đa chiều)	%	dưới 1,2		Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	Định kỳ 6 tháng, năm
5	Số xã đạt chuẩn nông thôn mới	xã	02		Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Định kỳ 6 tháng, năm
III	VỀ MÔI TRƯỜNG					
1	Tỷ lệ dân số sử dụng nước sạch	%	100		Sở Xây dựng	Định kỳ 6 tháng, năm

STT	CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ	KẾ HOẠCH NĂM 2025	PHẦN ĐẦU NĂM 2025	CƠ QUAN CHỦ TRÌ THEO DÕI, ĐÁNH GIÁ	KỲ ĐÁNH GIÁ
2	Tỷ lệ khu công nghiệp đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường	%	100		Ban Quản lý Khu Kinh tế, Công nghiệp thành phố	Định kỳ 6 tháng, năm
	Tỷ lệ chất thải rắn được thu gom	%	97		Sở Tài nguyên và Môi trường	Định kỳ 6 tháng, năm
3	Tỷ lệ che phủ rừng	%	57,2		Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Định kỳ 6 tháng, năm